

THỰC TRẠNG NHẬN THỨC VỀ HOẠT ĐỘNG KHỞI NGHIỆP TRONG SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC THUỘC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

*CURRENT AWARENESS OF START-UP ACTIVITIES AMONG STUDENTS
AT UNIVERSITIES BELONGED TO THE STATE BANK OF VIETNAM*

LÂM THỊ KIM LIÊN

Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh, lienltk@buh.edu.vn

THÔNG TIN	TÓM TẮT
<p>Ngày nhận: 25/9/2019 Ngày nhận lại: 26/9/2019 Duyệt đăng: 26/11/2019 Mã số: TCKH-S03T09-B28-2019 ISSN: 2354 – 0788</p> <p>Từ khóa: khởi nghiệp, hoạt động khởi nghiệp, nhận thức về hoạt động khởi nghiệp.</p> <p>Key words: startup, startup activities, awareness of startup activities.</p>	<p><i>Thực trạng nhận thức về hoạt động khởi nghiệp trong sinh viên các trường đại học thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được hình thành qua khảo sát 1176 sinh viên (khách thể nghiên cứu chính) và 168 giảng viên (khách thể nghiên cứu bổ trợ) của Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh và Học viện Ngân hàng. Dữ liệu khảo sát cho thấy: Sinh viên và giảng viên có nhận thức tương đối tốt về khởi nghiệp. Tuy nhiên, có sự không đồng nhất trong nhận thức giữa sinh viên và giảng viên. Đây vừa là một đặc điểm tất yếu, vừa là vách ngăn cách giữa hai nhóm đối tượng mà chúng ta cần quan tâm để thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp.</i></p> <p>ABSTRACTS <i>Current awareness of start-up activities among students at universities belonged to the State Bank of Vietnam was formed through the survey of 1176 students (main study subjects) and 168 lecturers (supplementary study subjects) at HCMC Banking University, and Banking Academy. Survey data indicates that: Students and lecturers have relatively good awareness about starting a business. However, there is a discrepancy in perception between students and lecturers. This is both an indispensable feature and a barrier between the two groups of objects that we need to pay attention to promote start-up activities.</i></p>

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia; trường đại học, chính phủ và doanh nghiệp là các trụ cột tạo ra xã hội tri thức. Xã hội tri thức phát triển trên cơ sở thúc đẩy việc truyền bá tri thức và công nghệ trong nền kinh tế thông qua đẩy

mạnh hợp tác liên kết giữa doanh nghiệp - các viện nghiên cứu và các trường đại học. Điều này giúp phát triển mạnh mẽ nguồn nhân lực và tinh thần doanh nhân trên cơ sở nuôi dưỡng và phát huy năng lực đổi mới, sáng tạo và tinh thần khởi nghiệp của sinh viên. Trong sự tương tác này,

sinh viên đóng vai trò cầu nối quan trọng và là lực lượng chính yếu trong chương trình đào tạo, phát triển nguồn nhân lực và tinh thần doanh nhân. Sinh viên trong các cơ sở đào tạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thuộc nguồn nhân lực khối ngành kinh tế; chịu áp lực học tập khá lớn do đặc thù ngành nghề, nhu cầu của xã hội cũng như sự cạnh tranh trong bối cảnh kinh tế thị trường và yêu cầu hội nhập quốc tế hiện nay nên đặc biệt cần trau dồi năng lực, đạo đức nghề nghiệp và tinh thần khởi nghiệp ngay trong quá trình học đại học. Khởi nghiệp trong sinh viên là hoạt động của sinh viên hoặc nhóm sinh viên tận dụng cơ hội thị trường và năng lực bản thân để tạo dựng một công việc kinh doanh mới, mang tính sáng tạo cao nhằm tạo ra giá trị cho bản thân sinh viên và xã hội. Khởi nghiệp trong sinh viên có đặc điểm nổi bật là đối tượng khởi nghiệp có sức trẻ, sáng tạo, được đào tạo bài bản nhưng chưa có nhiều kinh nghiệm; muốn tham gia khởi nghiệp để khẳng định bản thân; thường ít chú trọng đến nghiên cứu thị trường và gặp khó khăn về nguồn vốn. Hoạt động khởi nghiệp có vai trò góp phần giúp sinh viên phát triển các kỹ năng như sáng tạo, đổi mới, chủ động, trách nhiệm, khả năng đối phó với rủi ro và độc lập thông qua việc học tập trong thực tế. Vì vậy, thực trạng nhận thức về hoạt động khởi nghiệp trong sinh viên các trường đại học thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hiện nay đang ở mức độ nào là vấn đề cần được quan tâm. Bài viết nhằm giải quyết vấn đề này thông qua phân tích các dữ liệu khảo sát; trên cơ sở đó giúp các nhà quản lý đưa ra các quyết định có liên quan trong đào tạo nâng cao tiềm năng khởi nghiệp cũng như các cơ chế, chính sách và môi trường pháp lý nhằm phát triển hoạt động khởi nghiệp trong sinh viên; đáp ứng việc phát triển năng lực cho nguồn nhân lực

chất lượng cao và góp phần giải quyết vấn đề việc làm, giảm tình trạng thất nghiệp, phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

2. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ

2.1. Vài nét về dữ liệu nghiên cứu

Thực trạng nhận thức về hoạt động khởi nghiệp của sinh viên các trường đại học thuộc Ngân hàng Nhà nước được hình thành qua khảo sát 1176 sinh viên (khách thể nghiên cứu chính) và 168 giảng viên (khách thể nghiên cứu hỗ trợ) của hai trường đại học trực thuộc Ngân hàng Nhà nước là Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh và Học viện Ngân hàng. Sinh viên tham gia khảo sát bao gồm từ năm nhất đến năm tư, có học lực, rèn luyện từ xuất sắc đến yếu ở đầy đủ các ngành học, nhiều nhất là ngành Tài chính - Ngân hàng (27.6%) và phù hợp với phân bố tỉ lệ đào tạo của nhà trường. Tỷ lệ nam và nữ chênh lệch (17.0%/83.0%) tương quan với tỉ lệ nam nữ không đồng đều ở hai trường đại học. Giảng viên, với tư cách là người trực tiếp giảng dạy và hướng dẫn trong hoạt động khởi nghiệp là kênh tiếp cận quan trọng để nhà trường triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động khởi nghiệp trong sinh viên và do vậy là đối tượng nghiên cứu hỗ trợ cần quan tâm khi nghiên cứu đối tượng chính là sinh viên. Mẫu giảng viên đa dạng về chuyên môn, trải đều ở các ngành, có đủ nam và nữ với thâm niên công tác khác nhau.

Kết quả kiểm định chỉ số Cronbach's Alpha đối với độ tin cậy của thang đo, các biến trong phiếu khảo sát sinh viên và giảng viên cho thấy: Tất cả các thang đo đều có hệ số trên 0.6; có chất lượng sử dụng “tốt” đến “rất tốt”. Các biến quan sát đều có hệ số tương quan biến tổng Corrected Item – Total Correlation ≥ 0.3 , đạt yêu cầu.

Bảng 1. Khái quát về khách thể nghiên cứu chính

Yếu tố		Tần số	Tỷ lệ phần trăm (%)	
Năm thứ	Năm thứ nhất	234	19.9	
	Năm thứ hai	485	41.2	
	Năm thứ ba	312	26.5	
	Năm thứ tư	145	12.3	
Giới tính	Nam	200	17.0	
	Nữ	976	83.0	
Chuyên ngành	Kế toán – Kiểm toán	145	12.3	
	Kinh tế – Kinh doanh	31	2.6	
	Kinh tế quốc tế	60	5.1	
	Luật kinh tế	67	5.7	
	Marketing	67	5.7	
	Ngôn ngữ Anh	103	8.8	
	Quản trị kinh doanh	158	13.4	
	Tài chính – Ngân hàng	324	27.6	
	Khác	221	18.8	
Học lực	Xuất sắc	15	1.3	
	Giỏi	121	10.3	
	Khá	687	58.4	
	Trung bình	93	7.9	
	Trung bình – Khá	254	21.6	
	Yếu	6	0.5	
Rèn luyện	Xuất sắc	43	3.7	
	Tốt	566	48.1	
	Khá	524	44.6	
	Trung bình	39	3.3	
	Yếu	4	0.3	
Khóa học chuyên đề về khởi nghiệp	Chưa từng tham gia		897	76.3
	Đã tham gia	Học trực tuyến	147	12.5
		Học qua mạng	132	11.2
Tổng cộng		1176	100	

2.2. Thực trạng nhận thức về hoạt động khởi nghiệp của sinh viên

2.2.1. Nhận thức về khái niệm hoạt động khởi nghiệp

Bảng 2 phản ánh sự đa dạng về quan điểm của sinh viên và giảng viên khi định nghĩa khái niệm hoạt động khởi nghiệp bởi sự khác nhau giữa mục đích và tính chất của hoạt động khởi nghiệp. Trong khi hơn một nửa sinh viên (51.5%) tin rằng khởi nghiệp phải thỏa mãn cả tính mới (yếu tố 1) lẫn phải mang lại lợi ích cho

cả bản thân và xã hội (yếu tố 2), chỉ một nhóm nhỏ (17.9%) giảng viên đồng ý với cách nghĩ này. Đa số giảng viên cho rằng khởi nghiệp chỉ cần thỏa mãn yếu tố 1 (36.3%) hoặc yếu tố 2 (30.4%). Nghĩa là các giảng viên cho rằng khởi nghiệp có thể chỉ cần mới, còn nó hoàn toàn có thể chỉ mang lại lợi ích cho cá nhân người khởi nghiệp hoặc nếu mang lại lợi ích cho cả cá nhân người đó lẫn cộng đồng thì không cần tính mới. Đây là vấn đề đáng được quan tâm tìm hiểu sâu.

Bảng 2. Nhận thức về khái niệm hoạt động khởi nghiệp

TT	Nội dung	Sinh viên		Giảng viên	
		Tần số	%	Tần số	%
1	Là hoạt động của một sinh viên hoặc một nhóm sinh viên tận dụng cơ hội thị trường và năng lực bản thân để tạo dựng một công việc kinh doanh, giống các công việc kinh doanh đang phát triển trên thị trường nhằm tạo ra giá trị cho bản thân	208	17.7	26	15.5
2	Là hoạt động của một sinh viên hoặc một nhóm sinh viên tận dụng cơ hội thị trường và năng lực bản thân để tạo dựng một công việc kinh doanh, giống các công việc kinh doanh đang phát triển trên thị trường nhằm tạo ra giá trị cho bản thân và xã hội	239	20.3	51	30.4
3	Là hoạt động của một sinh viên hoặc một nhóm sinh viên tận dụng cơ hội thị trường và năng lực bản thân để tạo dựng một công việc kinh doanh mới, mang tính sáng tạo cao nhằm tạo ra giá trị cho bản thân	123	10.5	61	36.3
4	Là hoạt động của một sinh viên hoặc một nhóm sinh viên tận dụng cơ hội thị trường và năng lực bản thân để tạo dựng một công việc kinh doanh mới, mang tính sáng tạo cao nhằm tạo ra giá trị cho bản thân và xã hội	606	51.5	30	17.9

2.2.2. Nhận thức về tầm quan trọng của hoạt động khởi nghiệp

Bảng 3. Nhận thức về tầm quan trọng của hoạt động khởi nghiệp trong sinh viên

TT	Nội dung	Sinh viên		Giảng viên	
		Tần số	%	Tần số	%
1	Rất quan trọng	216	18.4	111	66.1
2	Quan trọng	548	46.6	43	25.6
3	Tương đối quan trọng	345	29.3	10	6.0
4	Không quan trọng	62	5.3	3	1.8
5	Hoàn toàn không quan trọng	5	0.4	1	0.6

Đa số sinh viên và giảng viên đều đánh giá cao tầm quan trọng của hoạt động khởi nghiệp. Điểm nổi bật là: Trong khi đa số giảng viên (66.1%) đánh giá hoạt động khởi nghiệp ở mức “rất quan trọng” thì các sinh viên lựa chọn mức “quan trọng” là nhiều nhất (46.6%) và chỉ có một số ít (18.4%) chọn mức “rất quan trọng”. Điều này có nghĩa là đa số giảng viên coi hoạt động khởi nghiệp như là hoạt động quan trọng hàng đầu trong khi phần lớn sinh viên, mặc dù

cũng đánh giá cao hoạt động này, vẫn chỉ coi đó là một trong nhiều phương án có thể thay thế. Đây là sự lệch pha nhỏ nhưng đáng chú ý giữa nhận thức của sinh viên (ít kinh nghiệm hơn) và của giảng viên (có kinh nghiệm hơn) và cho thấy việc thúc đẩy nhận thức sinh viên không chỉ nên tập trung vào việc khiến sinh viên hiểu hoạt động khởi nghiệp là quan trọng, cần thiết mà còn là không thể thay thế được.

2.2.3. Nhận thức về thời điểm khởi nghiệp

Bảng 4. Nhận thức về thời điểm khởi nghiệp

TT	Nội dung	Sinh viên		Giảng viên	
		Tần số	%	Tần số	%
1	Trước khi trở thành sinh viên	33	2.8	5	3.0
2	Sinh viên	528	44.9	117	69.6
3	Sau khi ra trường đến khoảng 5 năm	421	35.8	31	18.5
4	Sau 5 năm ra trường	194	16.5	15	8.9

Ngược lại với bảng 3, bảng 4 lại cho thấy sự tương đồng của sinh viên và giảng viên khi nhận thức về thời điểm tham gia khởi nghiệp khi phần lớn sinh viên (44.9%) và giảng viên (69.6%) đều cho rằng giai đoạn sinh viên là thời điểm tốt nhất để khởi nghiệp. Sự khác biệt giữa hai nhóm nằm ở chỗ nhiều sinh viên (35.8%) còn cho rằng 5 năm từ lúc ra trường là thời điểm thích hợp cho khởi nghiệp trong khi chỉ số ít (18.5%) giảng viên đồng quan điểm. Việc giảng

viên đánh giá cao khởi nghiệp ở giai đoạn sinh viên hơn hẳn giai đoạn mới ra trường (69.6%/18.5%) trong khi sinh viên cho rằng chúng có mức độ đánh giá giữa hai giai đoạn khá tương đồng (44.9%/35.8%) cho thấy giảng viên nhận thức được giá trị của việc khởi nghiệp ngay từ thời sinh viên mà có thể sinh viên chưa nhận thức được vì chưa trải qua thời điểm ra trường.

2.2.4. Nhận thức về ngành có thể khởi nghiệp

Bảng 5. Nhận thức về ngành có thể khởi nghiệp

TT	Nội dung	Sinh viên (Cần ưu tiên)		Giảng viên (Cần ưu tiên)	
		Tần số	%	Tần số	%
1	Tài chính – Ngân hàng	600	51.0	131	78.0
2	Kế toán	402	34.2	103	61.3
3	Quản trị kinh doanh	891	75.8	145	86.3
4	Kinh tế quốc tế	755	64.2	116	69.0
5	Luật kinh tế	339	28.8	40	23.8
6	Ngôn ngữ Anh	448	38.1	43	25.6
7	Hệ thống thông tin quản lý	522	44.4	49	29.2

Lựa chọn lĩnh vực khởi nghiệp là một trong những yếu tố quan trọng. Dễ thấy ngành Quản trị Kinh doanh và ngành Kinh tế Quốc tế được đa số sinh viên (75.8% và 64.2%) và đa số giảng viên (86.3% và 69.0%) đánh giá cao về tiềm năng khởi nghiệp bởi bản thân hoạt động khởi nghiệp gắn liền với lĩnh vực kinh doanh - quản trị. Trong khi các giảng viên đánh giá rất cao tiềm năng khởi nghiệp của các ngành Tài chính - Ngân hàng (78.0%) và Kế toán (61.3%) thì các sinh viên, mặc dù là sinh viên các trường đại học thuộc Ngân hàng Nhà nước không đánh giá cao như vậy (51.0% và 34.2%). Điều này có thể hiểu là các giảng viên đã có kinh nghiệm sâu rộng về

ngành của mình nên hiểu được tiềm năng khởi nghiệp còn các sinh viên thì chưa có kinh nghiệm và chưa hiểu biết sâu về ngành dù liên quan mật thiết đến mình nên chưa đánh giá cao. Đây là điểm đáng chú ý bởi vì việc thúc đẩy sinh viên khởi nghiệp cần phải gắn liền với hoạt động trung tâm của đào tạo bậc đại học là phát triển nghề nghiệp theo ngành mình lựa chọn. Nếu sinh viên không hiểu được tiềm năng khởi nghiệp ở ngay chính ngành của mình (hay ngành mà trường mình đào tạo chuyên sâu) thì sẽ là một sự lãng phí lớn và khiến cho hoạt động tuyên truyền khởi nghiệp trở nên lạc lõng, thiếu sự gắn kết với các hoạt động khác của trường đại học. Một

điểm khác có thể nhận thấy là sinh viên đánh giá tiềm năng khởi nghiệp của ngành Hệ thống thông tin quản lý (44.4%) cao hơn so với giảng viên (29.2%). Sự khác biệt này cho thấy sinh viên lớn lên ở thời đại công nghệ thì đánh giá cao tiềm năng của lĩnh vực công nghệ thông tin hơn là các giảng viên cho dù sự chênh lệch này là không quá lớn (vì có nhiều giảng viên trẻ tham gia khảo sát).

2.2.5. Sự quan tâm đến hoạt động khởi nghiệp trong 3 năm trở lại đây

Dữ liệu về mức độ quan tâm đến hoạt động khởi nghiệp trong ba năm trở lại đây cho thấy: Đa số giảng viên chọn “rất quan tâm” trong khi sinh viên phần lớn chọn “quan tâm” và khá ít người chọn “rất quan tâm”, cho thấy nhận thức về tầm quan trọng của hoạt động khởi nghiệp và mức độ quan tâm đến hoạt động này có tương quan. Điều này gợi ý rằng việc nâng cao nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của hoạt động khởi nghiệp có thể có vai trò thúc đẩy sinh viên quan tâm hơn đến việc tham gia hoạt động khởi nghiệp.

Bảng 6. Sự quan tâm đến hoạt động khởi nghiệp trong 3 năm trở lại đây

TT	Nội dung	Sinh viên		Giảng viên	
		Tần số	%	Tần số	%
1	Rất quan tâm	122	10.4	90	53.6
2	Quan tâm	459	39.0	49	29.2
3	Tương đối quan tâm	445	37.8	27	16.1
4	Không quan tâm	141	12.0	1	0.6
5	Hoàn toàn không quan tâm	9	0.8	1	0.6

2.2.6. Hình thức sinh viên biết đến hoạt động khởi nghiệp

Hình thức chủ yếu để sinh viên biết đến hoạt động khởi nghiệp là thông qua các phương tiện thông tin đại chúng (65.1%) và phương thức này cao hơn hẳn các hình thức khác (chỉ 9.2% - 35.8%), bao gồm thông qua trường đại học, doanh nghiệp và các cuộc thi. Đây là bằng chứng cho thấy việc hoạt động truyền thông về khởi

ngiệp của trường đại học chưa hiệu quả khi vẫn chưa tiếp cận tới một phần ba (32.2%) số sinh viên được khảo sát. Các doanh nghiệp khởi nghiệp cũng chỉ mang tới hiệu quả truyền thông rất thấp (14.2%) trong khi đây là trung tâm thực hiện hoạt động khởi nghiệp và có nhu cầu tuyển dụng sinh viên rất lớn cho việc vận hành dự án khởi nghiệp của mình.

Bảng 7. Hình thức sinh viên biết đến hoạt động khởi nghiệp

TT	Nội dung	Sinh viên	
		Tần số	%
1	Môn học/Chương trình học tại trường đại học	379	32.2
2	Khóa học/Hội thảo tại các trung tâm hoặc tổ chức phi chính phủ	216	18.4
3	Khóa học trực tuyến trên mạng	121	10.3
4	Các phương tiện truyền thông đại chúng	765	65.1
5	Bạn bè, người thân giới thiệu	297	25.3
6	Thông qua các sự kiện về khởi nghiệp	374	31.8
7	Thông qua các cuộc thi khởi nghiệp	421	35.8
8	Thông qua các doanh nghiệp khởi nghiệp	167	14.2
9	Thông qua dự án hỗ trợ khởi nghiệp	108	9.2

Việc chủ yếu chỉ tiếp cận thông tin qua các phương tiện thông tin đại chúng sẽ khiến sinh viên chưa có cái nhìn trọn vẹn về loại hình hoạt động này bởi phương tiện thông tin đại chúng chỉ cung cấp một góc nhìn mang tính truyền thông và bề nổi về hoạt động khởi nghiệp cũng như sinh viên chỉ tiếp cận thông tin theo hình thức này mang tính bị động; trong khi các hình thức tiếp cận khác (môn học tại trường, doanh nghiệp khởi nghiệp, cuộc thi khởi nghiệp,...) sẽ giúp sinh viên trải nghiệm đầy đủ hơn khi tham gia trực tiếp một phần hoặc tương tác nhiều hơn trong quá trình tiếp nhận thông tin. Do đó, chúng ta cần đẩy mạnh số lượng và chất lượng sinh viên nhận thức về hoạt động khởi nghiệp qua các kênh thông tin khác nhau để đa dạng hóa trải nghiệm của sinh viên. Các hình thức khác cũng nên kết hợp với các phương tiện thông tin đại chúng (vốn dĩ được sinh viên tiếp cận nhiều nhất) nhằm nâng cao mức độ quảng bá của mình. Các chỉ số khảo sát cho thấy mặc dù có sự đa dạng về quan điểm của sinh viên và giảng viên

khi định nghĩa khái niệm khởi nghiệp, nhận thức về tầm quan trọng của hoạt động khởi nghiệp, thời điểm tham gia khởi nghiệp, ngành có thể khởi nghiệp,... vì tuổi đời, hiểu biết và kinh nghiệm của từng đối tượng tham gia khảo sát khác nhau nhưng đại đa số sinh viên và giảng viên đều quan tâm tìm hiểu và ý thức được tầm quan trọng của hoạt động khởi nghiệp.

3. KẾT LUẬN

Sinh viên và giảng viên của các trường đại học thuộc Ngân hàng Nhà nước có nhận thức tương đối tốt về khởi nghiệp và hoạt động khởi nghiệp trong sinh viên. Giảng viên đóng vai trò quan trọng với mọi hoạt động của sinh viên, đặc biệt là trong hoạt động khởi nghiệp. Tuy nhiên, có sự không đồng nhất trong nhận thức giữa sinh viên và giảng viên. Đây vừa là một đặc điểm tất yếu, vừa là vách ngăn cách giữa hai nhóm đối tượng mà chúng ta cần quan tâm để thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp trong sinh viên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bakar, R., Islam, M. A., & Lee, J (2014), *Entrepreneurship education: Experiences in selected countries*. International Education Studies.
2. Basu, A (2011), From “break out” to “break-through”: *Successful market strategies of immigrant entrepreneurs in the UK*. International Journal of Entrepreneurship.
3. Chính phủ (2016) *Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18/5/2016 về việc phê duyệt Đề án Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Quốc gia đến năm 2025*.
4. Nunnally, J (1978), *Psychometric Theory*, New York, McGraw-Hill.
5. Nguyễn Thu Thủy, Nguyễn Thành Độ (2012), *Khởi sự kinh doanh, các mô hình lý thuyết và định hướng nghiên cứu tương lai*. Tạp chí Kinh tế và Phát triển (181).
<https://khoinghiempquocgia.vn/pages/DetailPost/333>.
6. Peter F. Drucker (2011), *Tinh thần Doanh nhân khởi nghiệp và Sự đổi mới*, Nxb. Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.